

SỰ THAY ĐỔI QUAN ĐIỂM THẨM MỸ TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930 - 1945

(Khảo sát qua văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực)

◆ TS. THÀNH ĐỨC BẢO THẮNG

Quan điểm thẩm mỹ là yếu tố cốt lõi trong tư tưởng nghệ thuật, hình thành các giá trị, tạo nên phong cách nghệ thuật của nhà văn, đồng thời là tiêu chí quan trọng để đánh giá các giá trị (từ nội dung tới hình thức) của tác phẩm cũng như sự vận động của giai đoạn văn học. Trong thực tiễn đời sống, quan điểm thẩm mỹ vừa là sản phẩm của ý thức hệ tư tưởng, vừa là sản phẩm của cá nhân nên nó luôn vận động để phù hợp, đáp ứng thị hiếu của con người trong xã hội.

Những năm đầu thế kỉ XX, sự biến động nhiều mặt trong đời sống kinh tế-xã hội đã kéo theo sự thay đổi mạnh mẽ trong đời sống văn học Việt Nam. Đây là sự thay đổi mang tính quy luật, diễn ra trong một quá trình, vừa kế thừa vừa phát triển để phù hợp với xã hội ngày càng hiện đại. Trong ba thập niên đầu thế kỉ, văn học Việt Nam có sự thay đổi mang tính cách mạng về tư tưởng và học thuật qua sáng tác của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách, Tân Đà... Tuy vậy, quan điểm thẩm mỹ chưa thực sự thay đổi mạnh mẽ nên tính chất giao thời trở thành đặc điểm nổi bật của giai đoạn văn học này trên chặng đường hiện đại hóa. Phải đến giai đoạn 1930-1945, với sự thay đổi mạnh mẽ về quan điểm thẩm mỹ, văn học Việt Nam đã bước hẳn sang giai đoạn văn học mới - văn học hiện đại. Khảo sát văn xuôi giai đoạn này, có thể thấy sự thay đổi về quan điểm thẩm mỹ theo hướng dân chủ hóa được thể

hiện rõ nét nhất, đặc biệt là trong văn xuôi lãng mạn và hiện thực phê phán.

Quan điểm thẩm mỹ mở rộng thể hiện tinh thần dân chủ. Cùng với sự thay đổi của chế độ chính trị, kết cấu xã hội là sự nảy nở của những tư tưởng, tình cảm mới trong đời sống xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX. Sự ra đời của những đô thị kiểu mới, những trung tâm kinh tế có sức hút mạnh mẽ và chi phối sâu rộng đời sống xã hội. Cùng với đó, văn hóa, văn minh phương Tây với sức hấp dẫn của nó, thâm nhập, phát triển ngày càng mạnh mẽ đã tạo ra cuộc cách mạng trong đời sống tinh thần của người dân. Nhà phê bình Hoài Thanh đã lý giải quá trình thâm nhập và tác động này một cách chính xác: "...nói làm sao cho xiết những điều thay đổi về vật chất, phương Tây đã đưa tới giữa chúng ta! Cho đến những nơi hang cùng ngõ hẻm, cuộc sống cũng không còn giữ nguyên hình ngày trước. Nào đầu tây, diêm tây, nào vải tây, chỉ tây, kim tây, đinh tây. Đùng tùng tôi ngụy biện. Một cái đình cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân sinh, về vũ trụ, và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan niệm của phương Đông"¹. Tư tưởng dân chủ ngày càng ngấm sâu và thể hiện trên nhiều phương diện trong xã hội, đặc biệt là ở xã hội tư sản thị thành, nơi tập trung các giai tầng mới.

Trong xã hội phong kiến, quan điểm thẩm mỹ phải phù hợp với quan điểm đạo đức, luôn được nhìn nhận dưới sự quy chiếu của trách nhiệm và bổn phận cùng những quy định, phép tắc ngặt nghèo. Cái đẹp được quy chiếu bởi địa vị, đẳng

cấp, khuôn phép của cái chung và luôn được giáo huấn bởi đạo lý thánh hiền. Trước đây, ta ít bắt gặp cái đẹp gắn với cái bình thường mà cái đẹp luôn đi cùng với cái cao quý (địa vị xã hội). Nói về vẻ đẹp của con người, trước hết họ chú trọng tới địa vị, đẳng cấp của người đó trong xã hội, hoặc gắn với cái tài (cái tài của người có học), gắn với những sứ mệnh cao cả được trao cho người quân tử. Bước sang xã hội đang ngày càng hiện đại, con người muốn được tự mình định đoạt hạnh phúc trong ý thức đòi quyền tự do hôn nhân, luyện ái được thể hiện, phô diễn khả năng, ý thích, tình cảm cá nhân một cách mạnh mẽ trong nhiều mặt của đời sống với cả niềm tự hào xen lẫn nỗi đau, sự chán chường. Từ sự bừng tỉnh của ý thức cá nhân, quan điểm đạo đức, quan điểm thẩm mỹ thay đổi. Quan niệm về cái đẹp giờ đây được mở rộng hơn, cụ thể hơn bởi cái đẹp được nhận thức qua cảm quan cá nhân và được biểu hiện cụ thể trong từng hoàn cảnh.

Trước hết, cái đẹp hiện diện ở mọi nơi, có trong cuộc sống nhàn hạ lẫn trong cuộc sống hăm hiu, cơ cực. Trong văn xuôi lãng mạn, những “chàng” và “nàng” của thế giới thành thị sôi động, những cô Mai (*Nửa chừng xuân* - Khái Hưng), cô Loan (*Đoạn tuyệt* - Nhật Linh)... vừa xinh đẹp vừa tân thời và cũng rất thủy chung, hiếu nghĩa. Cái đẹp được biểu hiện trên nhiều phương diện của đời sống, trở thành đối tượng theo đuổi khám phá của nghệ thuật, trở thành thiên chức của người nghệ sĩ chân chính. Không thể không nhắc tới Nguyễn Tuân, Thạch Lam – những nhà văn lấy cái đẹp là mục đích theo đuổi, là tiêu chí khám phá và thể hiện cuộc sống. Với Nguyễn Tuân, quan điểm thẩm mỹ vừa ổn định vừa phức tạp và mang đậm màu sắc chủ quan. Trước Cách mạng, phải đối diện với xã hội đồng tiền đen tối, thối nát với những nghịch cảnh, Nguyễn Tuân quan niệm: cái đẹp phải thoát li hiện thực cuộc sống. Đây là nguyên nhân lý giải con đường đi tìm cái đẹp của ông khi hướng về quá khứ (*Vang bóng một thời*) hay hướng tới chủ nghĩa xê dịch (*Một chuyến đi*, *Thiếu quê hương*...). Trên tinh thần ấy, ông say sưa ca ngợi

những con người tài hoa, những thú vui tao nhã, câu kỳ của người xưa, từ đó hướng ngòi bút phê phán sự xấu xa đê tiện của bọn người trọc phú, trưởng giả đương thời. Cũng trên tinh thần đối lập mạnh mẽ với hiện thực xã hội đen tối, ông khẳng định quan điểm: cái đẹp phải là sự thiên lương. Cảnh tượng cho chữ bởi sự cảm kích tấm lòng “biệt nhân liên tài” đến lời khuyên của Huân Cao dành cho viên quân ngục trong *Chữ người tử tù* là minh chứng tiêu biểu cho quan điểm cái đẹp bắt nguồn từ sự thiên lương và có chức năng thức tỉnh thiên lương: “Ồ đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chỗ ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn, rõ ràng như thế... Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi”.

Quan điểm thẩm mỹ hiện đại không đối lập với quan điểm thẩm mỹ truyền thống mà là sự kế thừa, phát triển và mở rộng cùng với tính chất phức tạp của nó. Theo tôn chỉ mục và đích của *Tự lực văn đoàn*, Thạch Lam hướng tới tìm và khẳng định vẻ đẹp của con người, nhưng đó không phải là vẻ đẹp cao sang của những người thuộc tầng lớp trên mà là vẻ đẹp bình dị của những con người lam lũ, bất hạnh, khổ sở trong cuộc sống đời thường. Trong tiểu luận *Theo dòng* ông cho rằng: “Cái đẹp man mác khắp vũ trụ, len lỏi khắp hang cùng ngõ hẻm, tiềm tàng ở mọi vật bình thường” và nhiệm vụ nhà văn phải tìm và phát biểu cho người đọc “trông nhìn và thưởng thức”². Thạch Lam hướng tới phát hiện vẻ đẹp trong sự cảm thông chia sẻ, trong hành động chan chứa tình thương (*Gió lạnh đầu mùa*, *Tối ba mươi*, *Tiếng chim kêu*, *Cô hàng xén*, *Hai lần chết*...), trong khát vọng thoát khỏi cuộc sống buồn tẻ, tù túng bởi nghèo đói (*Hai đứa trẻ*), và trong nỗi ăn năn, ân hận, hối tiếc của con người trước những sai lầm (*Một cơn giận*)... Ông ít chú ý tới miêu tả vẻ đẹp thể chất mà chú ý nhiều tới vẻ đẹp trong tâm hồn con người, một vẻ đẹp trầm lắng, bình dị, đượm tình thương và lòng trắc ẩn.

Các nhà văn hiện thực không chỉ dừng lại ở việc phát hiện và miêu tả mà muốn khơi dậy vẻ

đẹp từ những hoàn cảnh tối tăm, cùng cực nhất của người lao động. Người đọc cũng bắt gặp những người lao động với vẻ đẹp tỏa sáng trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhất. Chị Dậu trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố là nhân vật như vậy. Chị Dậu là hiện thân cho vẻ đẹp của người phụ nữ truyền thống, yêu chồng thương con hết mực, đảm đang tháo vát, thủy chung. Chị là hiện thân cho vẻ đẹp toàn vẹn, một vẻ đẹp khỏe khoắn từ hình thức đến tâm hồn, trí tuệ khiến Nguyễn Tuân hết lời ca ngợi: “Trên bãi ruộng oan khiên, chị Dậu là một gốc nhánh của thiện căn, của đường khí cánh đồng kết tụ lại”³. Hay chị là “đài hoa sen đã ngoại”, hoặc “chân dung lạc quan” sừng sững trên cái “Tối giới tối đất của đồng lúa ngày xưa”⁴. Tìm thấy vẻ đẹp ở những con người tưởng như đã mất hết nhân tính là quan điểm thẩm mỹ thể hiện cảm quan đặc biệt tiến bộ của Nam Cao. Cái nhìn đúng đắn về bản chất lương thiện, tốt đẹp của người lao động giúp Nam Cao phát hiện và đánh thức khát vọng sống lương thiện trong Chí Phèo, khẳng định nhân cách đáng trọng của lão Hạc. Về đặc điểm này, Nam Cao có sự gặp gỡ với Thạch Lam. Nếu tâm niệm sáng tác của Thạch Lam vừa tố cáo “xã hội giả dối và tàn ác”, vừa “làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn” thì Nam Cao hướng sáng tác tới việc nâng đỡ con người, “ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình...” và “làm cho người gần người hơn”. Vẻ đẹp mà Nam Cao cũng như Thạch Lam chú ý là vẻ đẹp bên trong tâm hồn con người - vẻ đẹp tiềm ẩn, khuất lấp đang đòi được khám phá bởi những trái tim nhân hậu. Chiều sâu trong quan điểm thẩm mỹ của Nam Cao là ý thức khơi dậy “hạt nhân” người, khát vọng sống lương thiện từ những nạn nhân của xã hội cũ, những kẻ méo mó từ hình hài đến nhân phẩm.

Gắn với sự bùng tình của ý thức cá nhân, quan điểm thẩm mỹ trong văn học được biểu hiện qua ý thức sống mạnh mẽ, khát vọng sống có ý nghĩa của con người. Trong quan điểm của các nhà văn lãng mạn và hiện thực, vẻ đẹp của con người là

ý thức vượt lên, thoát khỏi cuộc sống tầm thường, tù túng, buồn tẻ, vô nghĩa lý. Cái đẹp đối lập với cuộc sống ngán ngẩm như “ao đời bằng phẳng”, không ước mơ, không hy vọng của hai cô gái “ngây ngây thơ thơ” trong *Tỏa nhị kiều* (Xuân Diệu). Như vậy, quan niệm về cái đẹp có lúc đồng nghĩa với cái có ý nghĩa. Quan điểm thẩm mỹ tiến bộ này được các cây bút lãng mạn thể hiện qua những nhân vật lí tưởng trong tác phẩm. Đó là những con người muốn dấn thân vào gió bụi với những khát khao đổi thay như Dũng (*Đoạn Tuyệt*), Dũng, Trúc, Thái, Tạo (*Đôi bạn*). Quan niệm như vậy không chỉ có ở các nhà văn lãng mạn mà còn có trong các nhà văn hiện thực qua các nhân vật của họ. Đó là các nhân vật “có nghĩa lý” như Tú Anh, ông già Hải Vân (*Giông tố*), Minh, Phú (*Vỡ đê*) của Vũ Trọng Phụng. Cũng như các nhân vật của Nam Cao đang trần trụi tìm cách thoát ra kiếp “sống mòn”, sống vô nghĩa trong *Đời thừa*, *Sống mòn*...

Quan điểm thẩm mỹ thể hiện tính hiện đại. Khi ý thức cá nhân bùng tình, đạo Khổng với những giáo huấn về đạo trời, đạo quân - thần, cha - con, vợ - chồng đã không hợp thời và ngày càng trở nên xa vời, sáo rỗng. Quan điểm thẩm mỹ giờ đây mang tính hiện đại, đối lập với cái cổ hủ, lạc hậu để song hành với cái mới, hiện đại.

Trong cảm quan của các nhà văn lãng mạn, cái đẹp đồng nhất với cái mới và đây cũng là nguyên nhân tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt của các nhân vật nữ trong sáng tác của các nhà văn *Tự lực văn đoàn*. Toát lên mạnh mẽ trong vẻ đẹp của họ là ý thức chống lại sự áp đặt của lễ giáo phong kiến cổ hủ để đấu tranh, bảo vệ tình yêu của mình. Mai (*Nửa chừng xuân*) sẵn sàng từ chối cuộc sống gia đình với thân phận “làm lẽ”, chấp nhận cuộc sống “nửa chừng xuân” dù cô vẫn yêu Lộc. Hoàn cảnh có thể đẩy Loan (*Đoạn tuyệt*) vào cảnh lấy chồng mà không có tình yêu, song trong cô, ý thức “đoạn tuyệt” với tư tưởng phong kiến luôn thường trực và bùng lên mạnh mẽ, quyết liệt, dứt khoát trong hành động. Với họ, tình yêu đẹp phải là sự tự nguyện dâng hiến và

phải đấu tranh bảo vệ nó trước mọi sự ràng buộc của định kiến, thành kiến cổ hủ. Quyền được sống, được yêu chính đáng là vẻ đẹp nổi bật trong cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, lỗi thời.

Quan điểm thẩm mỹ xưa đề cao vẻ đẹp có tính chuẩn mực, với những “Khuôn vàng thước ngọc” và chú trọng vẻ đẹp bên trong hơn vẻ đẹp hình thức với “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” hay “Cái nét đánh chết cái đẹp”. Cũng vì trọng khuôn phép (được hình thành và củng cố vững chắc từ hàng nghìn năm) nên cái đẹp trong quá khứ luôn là chuẩn mực để so sánh, đối chiếu, từ đó khẳng định cái đẹp trong hiện tại (một xã hội tốt đẹp phải được ví như thời Nghiêu Thuấn). Quan điểm thẩm mỹ - gương sáng đạo đức để giáo huấn đạo lý đã phải nhường bước cho quan điểm thẩm mỹ hiện đại. Con người luôn là trung tâm của cái đẹp và vẻ đẹp của con người phải là chuẩn mực, chi phối và tác động tới vũ trụ, vạn vật. Cảnh sắc thiên nhiên Việt Nam hiện lên vừa quen thuộc, vừa hấp dẫn trong những trang văn của *Tự lực văn đoàn*. Đó có thể là cảnh sắc thơ mộng của thiên nhiên vùng trung du Bắc Bộ khi “bóng trăng đã xế về tây”: “Những đồi xa, trông như đàn rùa khổng lồ nằm vọng nguyệt”. Là hình ảnh những nương chè sau trận mưa “nằm phơi dưới ánh nắng gay gắt mùa hè”, “lóng lánh phản chiếu ánh thái dương, bóng nhoáng tựa trăm nghìn chiếc kính bầu dục”⁵. Hay khung cảnh của ngôi chùa Long Giáng cổ kính với “Mái chùa rêu phong đã lẫn màu cùng đất, cùng cây, cùng cỏ” trong không khí yên tĩnh, êm đềm. Với tiếng chuông “thong thả ngân nga... như đem mùi thiền làm tăng vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên” khiến “Lá cây rung động, ngọn khói thướt tha, bông lúa sột soạt như cảm tiếng gọi của Mẫu Ni muốn về nơi hư không tịch mịch”⁶. Không ai có thể phủ nhận vẻ đẹp khách thể của thiên nhiên trong cảm quan và cách miêu tả của các cây bút *Tự lực văn đoàn*. Bản thân thiên nhiên tạo ra sức hấp dẫn người đọc với vẻ đẹp của nó, không phụ

thuộc vào tâm trạng của con người theo quan niệm “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”. Dù vậy, vẻ đẹp ấy chỉ làm nền hoặc tô đậm vẻ đẹp tình yêu của con người. Nếu ở *Hồn bướm mơ tiên*, cảnh thiên nhiên mang đượm vẻ huyền bí, cổ kính thì thiên nhiên trong *Đôi bạn* hòa quyện với hương vị của tình bạn, tình yêu. Thiên nhiên như nói hộ lòng người bằng chính vẻ đẹp dịu dàng và hương vị rất riêng của mình: “mùi hoa khế đưa thoảng qua, thơm nhẹ quá” khiến Dũng tưởng như “một thứ hương lạ để đánh dấu một thời khắc qua trong đời”⁷.

Khi gắn với sự bừng tỉnh của ý thức cá nhân, cái đẹp trong quan niệm hiện đại phải là sự hài hòa giữa vẻ đẹp bên trong (nội dung) và vẻ đẹp bên ngoài (hình thức). Nếu trong quan niệm thẩm mỹ hàng nghìn năm phong kiến chỉ chú trọng và đề cao vẻ đẹp bên trong, vẻ đẹp của đời sống tâm hồn gắn với lễ giáo thì ở xã hội đô thị hiện đại, quan niệm thẩm mỹ luôn vươn tới thể hiện vẻ đẹp hoàn thiện, cả vẻ đẹp tâm hồn lẫn hình thức. Tất nhiên việc chú ý đến vẻ đẹp thể chất đã có mầm mống từ văn học trung đại, song sự thể hiện này mới chỉ thoáng qua. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du có ca ngợi vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành của nàng Kiều thì chẳng qua cũng chỉ chứng minh cho thuyết “hồng nhan bạc mệnh” mà thôi. Sắc đẹp “Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh” của nàng Kiều hay “Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang” của Thúy Vân phải chăng là những yếu tố dự báo cho số phận “gió dập mưa vùi” của Thúy Kiều hay hạnh phúc vẹn toàn của Thúy Vân. So với cách miêu tả nhân vật trong văn học cổ trung đại, cách miêu tả của *Tự lực văn đoàn* không còn trừu tượng nữa mà cụ thể hơn. Điều này, một mặt do sự thể hiện của nghệ thuật miêu tả hiện đại, song cũng phải thấy ở đây chính là sự chú trọng đến vẻ đẹp bên ngoài. Không phải ngẫu nhiên các nhân vật chính trong văn học lãng mạn lại được các nhà văn chú trọng khắc họa vẻ đẹp ngoại hình, vẻ đẹp thể chất. Ta có thể thấy qua ngoại hình của nhân vật Lan

(*Hồn bướm mơ tiên*) một vẻ đẹp quyến rũ đậm chất Á đông, hay Loan (*Đôi bạn*) hấp dẫn bởi “nước da màu phớt hồng”..., “hai lúm đồng tiền ở má rất xinh, đôi mắt long lanh, đôi môi mềm và thơm như hai cánh hoa hồng”. Hơn thế nữa, đó còn là vẻ đẹp kết hợp giữa truyền thống và hiện đại: đẹp cả ở dáng hình thon thả trong bộ áo dài kín đáo của Nhung (*Lạnh lùng*), trong tà áo trắng tinh khôi của Loan (*Đôi bạn*) lẫn vẻ đẹp khỏe khoắn, gợi cảm, khoe được đường cong của cơ thể trong bộ áo tắm của Hiền (*Trống mái*). Khi miêu tả vẻ đẹp ngoại hình, chiều sâu trong quan điểm thẩm mỹ của các cây bút lãng mạn là luôn miêu tả vẻ đẹp thể chất gắn với thời trang. Yếu tố này bộc lộ nét tiến bộ trong quan điểm thẩm mỹ khi hướng về phụ nữ. Biết tôn vinh vẻ đẹp của mình bằng thời trang là họ đã ý thức sâu sắc về vẻ đẹp mà tạo hóa ban cho. Điều này chỉ xuất hiện trong văn xuôi hiện đại với sự bùng cháy của ý thức cá nhân. Song, vẻ đẹp ngoại hình ở đây luôn được miêu tả gắn với vẻ đẹp trong tâm hồn. Loan, Mai, Nhung, Hồng, thậm chí cả Tuyết trong *Đời mưa gió* đều là những phụ nữ có phẩm chất đáng quý: thông minh, nhạy cảm, có bản lĩnh, giàu lòng vị tha... Các nhà văn hiện thực phê phán, khi khắc họa vẻ đẹp toàn vẹn của con người cũng chú ý tới vẻ đẹp ngoại hình. Nhân vật chị Dậu của Ngô Tất Tố không chỉ là người phụ nữ với vẻ đẹp tâm hồn mà còn là người phụ nữ đẹp về hình thức, một vẻ đẹp khỏe khoắn của người đàn bà lực điền với “Cái nhanh nhẩu của đôi mắt sắc ngọt, cái xinh xắn của cặp môi đỏ tươi, cái mịn màng của nước da đen giòn và cái nuột nà của người đàn bà hai mươi bốn tuổi”⁸. Và càng trong hoàn cảnh khó khăn thì vẻ đẹp của chị Dậu càng tỏa sáng.

Quan điểm thẩm mỹ thể hiện tinh thần hiện đại tạo ra một đặc điểm quan trọng trong văn học nói chung và văn xuôi giai đoạn này nói riêng: chú trọng khám phá, miêu tả cái đẹp của đời sống hiện tại. Đây là nét tiến bộ trong quan điểm thẩm mỹ hiện đại bởi chỉ ra thuộc tính tự nhiên của cái

đẹp: cái đẹp không đứng yên mà luôn vận động cùng với đời sống của con người. Trong văn xuôi lãng mạn và hiện thực phê phán giai đoạn này, người đọc không bắt gặp các điển tích, điển cố trong quá trình miêu tả, khắc họa vẻ đẹp của con người, cảnh vật. Con người được miêu tả trong nhiều thời điểm với những cảnh huống khác nhau để phát hiện và khẳng định cái đẹp.

Khi xã hội thay đổi, người ta nhìn thế giới, xã hội bằng cái nhìn, thái độ khác và chờ đợi văn học đưa lại cho mình những cái khác trước. Văn chương truyền đạt đạo lý thánh hiền, đem gương sáng đạo đức để giáo hóa giờ đây không còn phù hợp với cuộc sống đầy biến động. Người ta muốn ném trái cái có thật để hiểu rõ, hiểu kỹ cuộc sống với những bài học cụ thể, những cảm xúc cảm giác cụ thể của con người... Thị hiếu thay đổi, quan niệm thẩm mỹ vì thế cũng phải thay đổi để đáp ứng được những nhu cầu của cuộc sống hiện đại. □

Chú thích:

¹ Hoài Thanh – Hoài Chân (1998), *Một thời đại trong thi ca*, “Thi nhân Việt Nam”, Nxb Văn học, Hà Nội; tr.16

² Hoài Thanh – Hoài Chân (1998), *Một thời đại trong thi ca*, “Thi nhân Việt Nam”, Nxb Văn học, Hà Nội; tr. 294

³ Lữ Huy Nguyên, Phan Cự Đệ (1996), *Ngô Tất Tố toàn tập* (tập 5), Nxb Văn học, Hà Nội; tr. 264

⁴ Lữ Huy Nguyên, Phan Cự Đệ (1996), *Ngô Tất Tố toàn tập* (tập 5), Nxb Văn học, Hà Nội; tr. 648

⁵ Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ (giới thiệu và tuyển chọn) (2001), *Văn chương Tự lực văn đoàn* (tập.2). Nxb Giáo dục, Hà Nội; tr. 50

⁶ Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ (giới thiệu và tuyển chọn) (2001), *Văn chương Tự lực văn đoàn* (tập.2). Nxb Giáo dục, Hà Nội; tr. 12

⁷ Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ (giới thiệu và tuyển chọn) (2001), *Văn chương Tự lực văn đoàn* (tập 1). Nxb Giáo dục, Hà Nội; tr.283

⁸ Phong Lê (1988), *Tuyển tập Thạch Lam*, Nxb Văn học, Hà Nội; tr. 234